

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TÀI NGUYÊN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾ M TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-29
BẢNG CÂN ĐỐI KIỂM TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỶ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-29

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TÀI NGUYÊN GIÁM ĐỐC

Ban Tài nguyên Giám đốc Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Nghị định số 28/CP ngày 07/5/1996 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26/6/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa dịch vụ tổng hợp Tân Bình và cho chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TÀI NGUYÊN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và thời ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điệu	Chủ tịch
Bà Lê Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông Hans Eberhard Fortenbacher	Ủy viên
Ông La Thanh Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Nguyễn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tài nguyên Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và thời ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điệu	Tài nguyên Giám đốc
Bà Lê Thị Hồng Điệp	Giám đốc Điều hành
Ông Trần Quý Tài	Giám đốc Thị trường xuất khẩu
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chăm sóc khách hàng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phương	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Phó ban
Ông Trần Xoa	Ủy viên

KẾ TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TƯỜNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tường Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm với việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tường Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và đo lường hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mực cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tường Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tối đa có thể để đảm bảo và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tường Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tường Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tường Giám đốc

Hoàng Văn Điếu

Tường Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Số: 316/2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

của Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình được lập ngày 16 tháng 03 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày trên trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Có sự ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghi ngờ cần thiết, các bằng chứng xác minh nhận được thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các tính toán và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề mà chúng tôi nhận thấy khi kiểm toán viên

Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ đối với các khoản mục tiền, nợ phải trả dài hạn và nợ phải thu có gốc ngoại tệ được ghi nhận theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Riêng chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản nợ phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ phát sinh với tỷ lệ số tiền là 2.530.631.872 VND, trong đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 với số tiền là 1.383.938.099 VND.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và như đã trình bày của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính: Tại thời điểm 31/12/2010, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền và các khoản nợ ngắn hạn năm nay đang phản ánh khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" là 1.041.437.039 VND, theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì các khoản chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ.

Công ty TNHH Dịch vụ Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Chung ch KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2011

Vũ Xuân Bình

Kiểm toán viên

Chung ch KTV số: 0743/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tính ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		114.491.415.952	118.061.252.414
110	I. Tiền và các khoản phải thu ngắn hạn	4	17.759.391.271	28.481.318.690
111	1. Tiền		14.259.391.271	20.481.318.690
112	2. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.500.000.000	8.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	14.834.560.000	17.058.160.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		14.834.560.000	17.058.160.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		18.868.004.921	26.612.801.010
131	1. Phải thu của khách hàng		17.708.133.821	22.096.741.760
132	2. Trả trước cho người bán		524.367.787	3.692.910.325
135	5. Các khoản phải thu khác	6	1.234.106.194	1.823.520.721
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(598.602.881)	(1.000.371.796)
140	IV. Hàng tồn kho	7	60.352.377.689	44.917.406.161
141	1. Hàng tồn kho		60.352.377.689	44.917.406.161
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.677.082.071	991.566.553
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.156.702.142	278.829.065
152	2. Thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ		1.508.358.330	333.531.489
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	12.021.599	379.205.999
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		154.110.805.368	146.544.577.365
220	II. Tài sản cố định	9	80.080.984.082	84.709.092.714
221	1. Tài sản cố định hữu hình		70.933.914.088	77.471.993.373
222	- Nguyên giá		127.712.732.709	127.500.851.428
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(56.778.818.621)	(50.028.858.055)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	4.318.917.207	4.598.175.341
228	- Nguyên giá		6.588.894.293	6.463.444.293
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.269.977.086)	(1.865.268.952)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	4.828.152.787	2.638.924.000
240	III. Bất động sản đầu tư	12	40.777.780.545	37.238.354.772
241	- Nguyên giá		46.940.018.402	40.206.111.155
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.162.237.857)	(2.967.756.383)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	31.522.329.200	22.522.329.200
251	1. Đầu tư vào công ty con		24.100.000.000	17.700.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		7.300.000.000	4.700.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		122.329.200	122.329.200
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.729.711.541	2.074.800.679
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.729.711.541	2.074.800.679
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		268.602.221.320	264.605.829.779

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tính ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tính theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		68.499.029.069	63.569.743.670
310	I. Nợ ngắn hạn		66.453.004.245	60.247.376.328
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	24.291.199.358	38.003.294.861
312	2. Phải trả người bán		10.317.235.537	11.585.861.702
313	3. Người mua trả tiền trước		4.706.160.000	435.350.111
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.197.688.388	430.882.277
315	5. Phải trả người lao động		1.710.384.804	1.343.141.687
316	6. Chi phí phải trả	17	234.621.953	496.667.308
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	23.546.950.979	7.498.210.339
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		448.763.226	453.968.043
330	II. Nợ dài hạn		2.046.024.824	3.322.367.342
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	2.018.565.764	-
336	6. Dự phòng trả công mặt việc làm		27.459.060	20.496.400
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	3.301.870.942
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		200.103.192.251	201.036.086.109
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	200.103.192.251	201.036.086.109
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		53.562.120.000	53.562.130.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		145.825.164.443	145.825.164.443
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	1.492.141.699
414	4. Công cụ tài chính (*)		(10.370.746.687)	(7.940.239.597)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.041.437.039)	(67.169.290)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		910.934.456	489.130.439
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.890.894.333	2.469.090.316
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.185.317.698	5.205.838.099
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		268.602.221.320	264.605.829.779

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
2. Vốn tài, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		219.004.640	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.388.433.438	497.812.616
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		3.645,87	156.198,15
- EURO		522,96	528,42

Làm, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Trưởng Giám đốc

Nguyễn Thị An

Nguyễn Thị Xuân

Hoàng Văn Điệu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	136.551.897.797	152.895.905.632
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	272.666.876	723.865.970
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	136.279.230.921	152.172.039.662
11	4. Giá vốn hàng bán	24	122.581.128.106	138.253.402.459
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.698.102.815	13.918.637.203
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	5.183.956.870	5.380.655.326
22	7. Chi phí tài chính	26	6.889.560.581	6.324.751.949
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.738.310.067	1.656.620.199
24	8. Chi phí bán hàng		1.287.194.399	1.211.604.953
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.732.795.345	3.198.774.010
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		6.972.509.360	8.564.161.617
31	11. Thu nhập khác		4.405.392.249	4.903.552.210
32	12. Chi phí khác		3.560.772.528	4.551.427.425
40	13. Lợi nhuận khác		844.619.721	352.124.785
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.817.129.081	8.916.286.402
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	1.343.355.483	867.622.070
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.473.773.598	8.048.664.332

Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị An

Nguyễn Thị Xuân

Hoàng Văn Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỶ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.817.129.081	8.916.286.402
02	Khấu hao tài sản cố định		14.343.066.803	14.099.825.777
03	Các khoản dự phòng		488.851.907	(59.927.047)
04	Lãi, chênh lệch tỷ giá hối đoái của các tài sản		1.383.938.099	1.340.835.835
05	Lãi, tỷ giá hối đoái của các khoản vay		(3.410.063.715)	(988.453.479)
06	Chi phí lãi vay		2.738.310.067	1.656.620.199
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế		23.361.232.242	24.965.187.687
	Đổi vốn lưu động			
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		7.004.945.815	7.540.345.244
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(15.434.971.528)	(5.218.202.650)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		19.229.865.174	(5.233.797.122)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(532.783.939)	1.752.396.679
13	Tiền lãi vay đã trả		(2.738.310.067)	(1.693.386.532)
14	Thu thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(650.292.420)	(1.103.824.768)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.948.235.097	2.203.636.380
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.664.266.634)	(1.438.898.646)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		28.523.653.740	21.773.456.272
	II. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(17.222.417.676)	(14.562.690.569)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.557.525.111	7.904.400.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(253.916.000)	(8.650.000.000)
24	4. Tiền thu từ cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.837.832.000	2.800.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(15.000.000.000)	(11.000.000.000)
26	6. Tiền thu từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.000.000.000	18.410.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, dividend và lợi nhuận chia		2.889.996.132	2.033.979.793
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(19.190.980.433)	(21.455.900.776)
	III. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động tài chính			
32	2. Tiền chi trả nợ gốc cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp để phát hành		(2.430.517.090)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn ngoài nước		70.262.737.567	73.966.142.912
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(84.304.278.887)	(58.056.784.608)
36	6. Các tài sản, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.582.207.600)	(1.876.924.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(20.054.266.010)	14.032.434.304

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỶ*(Theo phương pháp gián tiếp)**Năm 2010*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thu nhập trong năm		(10.721.592.703)	14.349.989.800
60	Tiền và tương đương tăng giảm trong năm		28.481.318.690	14.180.258.696
61	Đổi ngoại tệ thành VND và ngược lại		(334.716)	(48.929.806)
70	Tiền và tương đương cuối năm	4	<u>17.759.391.271</u>	<u>28.481.318.690</u>

Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị An

Nguyễn Thị Xuân

Hoàng Văn Điệu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Nghị định số 28/CP ngày 07/5/1996 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26/6/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hoá dịch vụ tổng hợp Tân Bình và cho chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 53.562.130.000 VND (Năm mươi ba tỷ năm trăm sáu mươi hai triệu một trăm ba mươi ngàn đồng). Tổng đồng 5.356.213 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND. Vốn góp thực tế của các cổ đông tính đến thời điểm 31/12/2010 là 53.562.120.000 VND (Năm mươi ba tỷ năm trăm sáu mươi hai triệu một trăm hai mươi ngàn đồng), tổng đồng 5.356.212 cổ phần.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Xí nghiệp Giấy Alta	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất khăn giấy
- Xí nghiệp sản xuất nhũ và xuất khẩu	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất túi xốp xuất khẩu
- Xí nghiệp In tổng hợp	TP Hồ Chí Minh	In ấn
- Trung tâm Thương mại & Giải trí Lạc Hồng	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ
- Nhà hàng - Bar - Cafe Blue Star	TP Hồ Chí Minh	Nhà hàng, Bar, cafe
- Khu dịch vụ giải trí điểm tại	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ giải trí điểm tại
- Rạp Alta 4D-MovieRide	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh phim 4D
- Rạp Alta 4D-Max Suối Tiên	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh phim 4D
- Khu dịch vụ giải trí điểm tại Suối Tiên	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ giải trí điểm tại
- Khu Dịch vụ giải trí điểm tại Maximark 3T2	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ giải trí điểm tại
- Trung tâm Chơi bóng & Kỹ thuật in	TP Hồ Chí Minh	Chơi bóng
- TT Sản xuất và Phát hành băng, đĩa nhũ	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh băng đĩa nhũ
- Trung tâm Phát triển sản phẩm Alta	TP Hồ Chí Minh	Phát triển sản phẩm mới

Ngoài ra, Công ty còn có khai các Cửa hàng Dịch vụ Văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0301420079, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 1998 (số ĐKKD: 064111) và đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 08 tháng 12 năm 2010 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành nhuộm, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa (audio và video) có chủ quyền;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;

- Sản phẩm, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang bản đĩa và các dịch vụ liên quan khác; tham gia hoạt động tiếp thị trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hóa và kết thúc sản xuất các sản phẩm ngành văn hóa;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ họa, vẽ mô hình;
- Lắp ráp máy móc thiết bị điện, sản xuất gia công hàng may mặc, phụ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hóa vui chơi giải trí: bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm - săn sóc da mặt (trình bày các hoạt động gây cháy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Mua bán: văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc trái phép); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kết thúc (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Dịch vụ cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động trái phép);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động trái phép); dịch vụ giặt xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phụ phẩm trái phép);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);
- Bán buôn đồ dùng có cùn - không cùn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Trình diễn diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động trái phép);
- Trình diễn thi đấu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mô hình quy định của từng chuẩn mực, thông tin phản ánh trung thực và đầy đủ về tình hình kinh doanh và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản phải thu ngắn hạn

Tiền và các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các loại tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trị giá hàng nhập giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng được tính phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 07	năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 07	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm
- Quyền sử dụng đất	48	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất và tài sản vô hình khác. Trong đó, quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng thửa đất Lô II-3 đường số 11 Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh. Diện tích 9.987 m², thời hạn sử dụng đến ngày 17/6/2047.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoặc để trống, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn đi kèm báo cáo, như:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tạm ngắn hạn";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Đội phòng giám giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán liên hệ giá trị thực tế của chúng tại thời điểm lập báo cáo.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang còn có thể gián tiếp (trên 12 tháng) được đưa vào số đang theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chi phí khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chủ yếu liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ liên quan của chi phí đến phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp được thông qua.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây bất lợi cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí thực tế bằng số chênh lệch.

Vấn chủ sở hữu

Vấn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thông số vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa vốn/hoạch định giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí thực tế liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thông số vốn cổ phần.

Vấn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thu phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chia phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội đồng thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội đồng sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chia phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi điều chỉnh Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bán ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mua, bán phải thu và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền tệ và các khoản nợ phải thu ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vấn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa sổ dư; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải thu dài hạn và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định từng đơn vị chức năng;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn điều kiện hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định từng đơn vị chức năng.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lệ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lệ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chênh lệch khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo từng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thu**Thu hiện hành**

Tài sản thu và các khoản thu phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền đã kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Trong năm 2010, Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là 25%. Riêng dự án rạp chiếu phim Alta 4D-MovieRide và 4D Max Suối Tiên Công ty được giảm 50% thuế TNDN với mức thuế suất áp dụng là 10%. Dự án nâng cao năng suất xuất xưởng Bao bì nhựa được miễn thuế TNDN theo hướng dẫn tại Thông Tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài Chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thu thu nhập hoãn lại

Thu thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa các số tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thu thu nhập hoãn lại và thu thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất đã tính số áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỬ

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2009 (Trên cơ sở điều chỉnh) VND	31/12/2009 (Điều chỉnh lại) VND	Chênh lệch ⁽¹⁾ VND
Bảng cân đối kế toán				
- Thu và các khoản phải nộp Nhà nước	314	824.522.074	430.882.277	(393.639.797)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	(1.170.673.115)	(67.169.290)	1.103.503.825
- Lợi nhuận sau thuế chia phân phối	420	5.915.702.127	5.205.838.099	(709.864.028)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
- Chi phí tài chính	26	5.221.248.124	6.324.751.949	1.103.503.825
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
- Lợi nhuận trước thuế	01	10.019.790.227	8.916.286.402	(1.103.503.825)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chia thành hiện	04	237.332.010	1.340.835.835	1.103.503.825

(1) Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tử với Khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá số dư thời ngày 31/12/2009 của các khoản nợ phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ theo phương pháp điều chỉnh hồi tử cuối năm sau:

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính để hạch toán chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư thời ngày 31/12/2009 của các khoản mục tiền, nợ phải thu và nợ phải trả có gốc ngoại tệ, tuy nhiên đối với khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản công nợ phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ thì thời điểm 31/12/2009 với giá trị là 1.103.503.825 VND đã được Công ty xác định và điều chỉnh hồi tử vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2009. Nguyên nhân Công ty lựa chọn phương pháp điều chỉnh hồi tử này là theo Thông tư số 177/2009/TT-BTC ngày 10/09/2009 của Bộ Tài chính đã quy định chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản công nợ phải trả ngắn hạn nếu bù lỗ số được xác định là chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TÀI NGUYÊN TÀI CHÍNH

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	7.759.313.183	9.776.769.280
Tiền gửi ngân hàng	6.500.078.088	10.704.549.410
Các khoản tài nguyên tài chính ⁽¹⁾	3.500.000.000	8.000.000.000
	17.759.391.271	28.481.318.690

(1) Số dư thời ngày 31/12/2010 của Khoản mục các khoản tài nguyên tài chính là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với kỳ hạn là 01 tháng và lãi suất là 14%/năm.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư ngắn hạn khác ⁽¹⁾	14.834.560.000	17.058.160.000
	14.834.560.000	17.058.160.000

(1) Bao gồm các khoản cho các tổ chức và cá nhân vay với lãi suất từ 12%/năm đến 18%/năm và kỳ hạn cho vay là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGƯỜI KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	188.000.000	376.000.000
Phải thu về cho mượn vốn	300.000.000	700.000.000
Phải thu về lãi cho vay dựa các điều kiện	541.324.000	379.359.100
Phải thu về thu GTGT được hoàn	58.058.954	29.442.117
Phải thu khác	146.723.240	338.719.504
	1.234.106.194	1.823.520.721

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	31.986.729.212	26.656.406.156
Công cụ, dụng cụ	1.079.268.954	859.745.843
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.271.506.559	1.109.995.618
Thành phẩm	16.937.529.016	15.003.840.569
Hàng hoá	2.077.343.948	1.287.417.975
	60.352.377.689	44.917.406.161

8 . TÀI SẢN NGƯỜI KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	12.021.599	45.229.251
Các khoản thanh toán, ký quỹ, ký cược	-	333.976.748
	12.021.599	379.205.999

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phong cách văn phòng, truy cập	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	22.473.624.035	103.064.312.427	1.452.767.852	403.889.014	106.258.100	127.500.851.428
Số tăng trong năm	1.199.658.754	4.145.955.228	277.037.818	89.577.273	-	5.712.229.073
- Mua sắm mới	-	4.145.955.228	277.037.818	89.577.273	-	4.512.570.319
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.199.658.754	-	-	-	-	1.199.658.754
Số giảm trong năm	(345.482.333)	(4.921.646.412)	(222.419.047)	(10.800.000,00)	-	(5.500.347.792)
- Thanh lý, nhượng bán	(345.482.333)	(4.921.646.412)	(222.419.047)	(10.800.000)	-	(5.500.347.792)
Số cuối năm	23.327.800.456	102.288.621.243	1.507.386.623	482.666.287	106.258.100	127.712.732.709
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	6.672.805.561	42.322.418.390	814.732.248	200.306.692	18.595.164	50.028.858.055
Số tăng trong năm	1.712.920.105	8.617.366.887	323.494.832	79.469.583	10.625.788	10.743.877.195
- Trích khấu hao	1.712.920.105	8.617.366.887	323.494.832	79.469.583	10.625.788	10.743.877.195
Số giảm trong năm	-	(3.771.497.582)	(222.419.047)	-	-	(3.993.916.629)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.771.497.582)	(222.419.047)	-	-	(3.993.916.629)
Số cuối năm	8.385.725.666	47.168.287.695	915.808.033	279.776.275	29.220.952	56.778.818.621
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	15.800.818.474	60.741.894.037	638.035.604	203.582.322	87.662.936	77.471.993.373
Tại ngày cuối năm	14.942.074.790	55.120.333.548	591.578.590	202.890.012	77.037.148	70.933.914.088

Trong đó

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn số dư: 25.089.002.572 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quy định đồng Việt Nam	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.237.885.093	225.559.200	6.463.444.293
Số tăng trong năm	-	125.450.000	125.450.000
- Mua sắm mới	-	125.450.000	125.450.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	6.237.885.093	351.009.200	6.588.894.293
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	1.731.534.317	133.734.635	1.865.268.952
Số tăng trong năm	352.147.953	52.560.181	404.708.134
- Trích khấu hao	352.147.953	52.560.181	404.708.134
Số giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	2.083.682.270	186.294.816	2.269.977.086
Giá trị còn lại			
Tính ngày đầu năm	4.506.350.776	91.824.565	4.598.175.341
Tính ngày cuối năm	4.154.202.823	164.714.384	4.318.917.207

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CỐ ĐỊNH DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Xây dựng cố định dang	4.639.743.696	2.179.330.000
- Chi phí Trung tâm thương mại - Alta Plaza	4.639.743.696	817.409.660
- Dự án Cao ốc Văn phòng	-	1.156.943.952
- Dự án Xây dựng Đạn - Việt	-	204.976.388
Mua sắm tài sản cố định	-	234.180.000
- Chuyển giao thương mại quy định (thương hiệu Quaker)	-	234.180.000
Số a chi a n tài sản cố định	188.409.091	225.414.000
- Nâng cấp TSCĐ (Xí nghiệp Bao bì nhựa)	90.909.091	225.414.000
- Nâng cấp TSCĐ (Phân xưởng kế toán)	97.500.000	-
	4.828.152.787	2.638.924.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

12 . BẢNG DÒNG SỔ NỀN TẢNG

	Currency VND
Nguyên giá	
Số đầu năm	40.206.111.155
Số tăng trong năm	6.733.907.247
- Mua sắm mới	6.733.907.247
Số giảm trong năm	-
Số cuối năm	46.940.018.402
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	2.967.756.383
Số tăng trong năm	3.194.481.474
- Trích khấu hao	3.194.481.474
Số giảm trong năm	-
Số cuối năm	6.162.237.857
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	37.238.354.772
Tại ngày cuối năm	40.777.780.545

13 . CÁC KHOẢN DÒNG TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Dòng vào công ty con	24.100.000.000	17.700.000.000
- Công ty TNHH Mật thành viên Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	5.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH Mật thành viên Alta - Tân Đức	14.000.000.000	10.600.000.000
- Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hồng (Sunet)	5.100.000.000	5.100.000.000
Dòng vào công ty liên kết, liên doanh	7.300.000.000	4.700.000.000
- Công ty Cổ phần In Thông tin Quảng cáo Âu Lạc	4.700.000.000	4.700.000.000
- Công ty TNHH Hợp Tác Phát Triển Đan Việt	2.600.000.000	-
Dòng dài hạn khác	122.329.200	122.329.200
	31.522.329.200	22.522.329.200

Dòng vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2010 như sau

Tên công ty con	Nơi thành lập và họ tên	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Mật thành viên Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Công nghệ, truyền thông
Công ty TNHH Mật thành viên Alta - Tân Đức	Tỉnh Long An	100%	64%	Sản xuất, dịch vụ
Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hồng (Sunet)	Thành phố Hồ Chí Minh	60%	60%	Sản xuất, dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2010 như sau

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thông tin Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47%	47%	In ấn, quảng cáo

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2010 như sau

Tên công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Hợp Tác Phát Triển Đan Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	Sản xuất các loại thiết bị thông minh bằng giấy
Công ty CP Y Khoa Song An ⁽¹⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	Y tế, bệnh viện

(1) Công ty Cổ phần Y Khoa Song An đang trong quá trình góp vốn và chuyển nhượng chính thức đi vào hoạt động.

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Đầu tư cổ phiếu		122.329.200		122.329.200
- Công ty CP Dược phẩm Đông Nai	7.315	62.829.200	7.315	62.829.200
- Công ty CP Giấy Lã Hoa	5.450	59.500.000	5.450	59.500.000
		122.329.200		122.329.200

14 . CHI PHÍ TRƯỚC CHI ĐẢM HỮU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Số đầu năm	2.074.800.679	2.502.232.899
Số tăng trong năm	870.740.272	1.278.349.259
Số đã chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(1.215.829.410)	(1.705.781.479)
Số cuối năm	1.729.711.541	2.074.800.679

Trong đó chi tiết số cuối năm bao gồm:

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí xây dựng các công trình cao ốc	128.661.137	44.980.888
Công chi phí mua sắm dụng cụ giá trị lớn	308.724.853	-
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ ⁽¹⁾	922.398.455	1.034.059.104
Chi phí chi phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	310.255.133	818.028.348
Chi phí chi phân bổ cho Dự án Ly giã	-	41.147.568
Chi phí chi phân bổ cho Dự án Thẻ Đạn - Việt	-	120.055.260
Chi phí chi phân bổ của rốp phim 4D Siêu Tiên	59.671.963	16.529.511
	1.729.711.541	2.074.800.679

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(1) Chi tiết giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ bao gồm:

- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/01/BB-06 ngày 20 tháng 01 năm 2006, giá trị còn lại của Rúp Đới L là 1.216.606.488 VND sau khi trừ đi phần lưu thu hồi là 100.000.000 VND được hạch toán vào chi phí chi phân bổ dài hạn với số tiền: 1.116.606.488 VND. Dự án Trung tâm thương mại - Alta Plaza là dự án được xây dựng trên nền Rúp Đới L. Dự án đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 07/2008, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí kinh doanh trong kỳ với thời gian phân bổ là 10 năm, bắt đầu từ thời điểm đi vào hoạt động. Chi phí chi phân bổ dài hạn của phân bổ hết tính đến thời điểm ngày 31/12/2010 là 846.759.920 VND;
- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/06/BBHĐQT-09 ngày 30 tháng 06 năm 2009, giá trị còn lại của căn nhà số 284-286 Hoàng Văn Thụ bỏ dở bỏ dở xây dựng của hàng Kinh doanh được hạch toán vào chi phí chi phân bổ dài hạn với số tiền: 75.638.535 VND.

15 . VAY VÀ NHANH

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	23.079.811.358	38.003.294.861
- Vay ngân hàng	23.079.811.358	38.003.294.861
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.211.388.000	-
	24.291.199.358	38.003.294.861

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay Ngân hàng	23.079.811.358	38.003.294.861
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình ⁽¹⁾	17.204.219.662	26.299.142.632
Ngân hàng TMCP Á Châu - SGD ⁽²⁾	5.875.591.696	11.704.152.229
	23.079.811.358	38.003.294.861

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản tiền vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức có thể như sau:
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0188/TaB1/09LD ngày 14/08/2009 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình và Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình với các điều khoản quy định:
 - + Hạn mức tín dụng: 30 tỷ đồng;
 - + Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: Thời hạn vay được tính theo ngày Giây nhân số lãi đã 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi vay áp dụng năm 2010 là 12%/năm-18/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo):

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0253/TaB1/10LD ngày 27/08/2010 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình và Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình với các điều khoản quy định:
 - + Hạn mức tín dụng: 30 tỷ đồng;
 - + Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Thời hạn vay: Theo quy định trong từng khoản vay, tối đa không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi vay áp dụng năm 2010 áp dụng vay đồng Việt Nam là 12%/năm - 18%/năm và vay bằng đô la Mỹ là 6,5%/năm - 7,2%/năm.

- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 84390999 ngày 19/08/2010 giữa Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Á Châu và Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Hạn mức tín dụng là 32 tỷ đồng và 500.000 đô la Mỹ;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và bổ lãnh các loại;
- + Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Thời hạn vay: Theo quy định trong từng khoản vay, tối đa không quá 9 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Theo quy định của từng khoản vay, trong năm 2010 là 12%/năm - 18%/năm đối với khoản vay bằng VNĐ và 6,5%/năm - 7,2%/năm đối với khoản vay bằng USD.

Chi tiết nội dung hạn nợ và nội dung tài sản thế chấp**16 . THU VÀ CÁC KHOẢN PHÍ VÀ TRÍCH**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thu Xuất khẩu, Nhập khẩu	15.579.899	5.959.770
Thu Thu nhập doanh nghiệp	1.089.441.414	396.378.351
Thu Thu nhập cá nhân	92.667.075	28.544.156
	1.197.688.388	430.882.277

Quyết toán thu của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể dẫn đến việc tính thuế theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ VÀ TRÍCH

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trích chi phí tiền thuê mặt bằng	120.663.764	194.335.349
Trích trích chi phí đầu tư sản xuất	102.300.189	121.978.136
Trích trích lãi vay	-	166.724.667
Trích trích chi phí phí trợ khác	11.658.000	13.629.156
	234.621.953	496.667.308

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ , PHẢI NHẬN NGƯỜI KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	250.780	-
Bồi hiểm xã hội	50.083.736	80.156.440
Phải trả ngân sách	2.157.446.342	5.867.788.813
Chiết khấu bán hàng từ xuất khẩu	165.908.753	1.491.315.664
Phải trả khoản mua tín Công ty Alta - Tân Đức	8.197.689.000	-
Nhận ứng trước từ Công ty Tân Thuận Tín ⁽¹⁾	10.930.252.000	-
Nhận góp vốn Dự án Đan Việt	989.881.215	-
Phải trả về doanh thu lên kết tòa nhà Alta - Unique	892.932.550	-
Phải trả, phải nộp khác	162.506.603	58.949.422
	23.546.950.979	7.498.210.339

(1) Theo Hợp đồng thuê chuyên nghiệp về đi thuê, các tài sản thu về quy định về và số đang của Công ty TNHH Mua thành viên Alta-Tân Đức (Công ty con) số 01/2010/HĐCNV ngày 01/10/2010 giữa Công ty TNHH Mua thành viên Alta-Tân Đức và Công ty TNHH SX TM DV Tân Thuận Tín về các nội dung cơ bản như sau:

- Thời gian hoàn tất thời gian chuyển nhượng đất liền trong quý II năm 2011
- Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (Công ty mẹ).

19 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	2.018.565.764	-
- Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - S giao dịch ⁽¹⁾	2.018.565.764	-
	2.018.565.764	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

(1) Hợp đồng tín dụng trung-dài hạn số 84379909 ngày 19/08/2010 giữa S giao dịch Ngân hàng TMCP Á Châu và Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình về các điều khoản cơ bản như sau:

- + Hạn mức cho vay tối đa là 5 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Cho thuê nhà ở Trung tâm Thương mại Alta Plaza (số 91B2 Đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh);
- + Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu;
- + Lãi suất được quy định trong thời hạn cho vay như sau: Lãi suất áp dụng năm 2010 dao động từ 14%/năm đến 18%/năm;
- + Số gốc vay dài hạn phải trả trong năm tài chính tiếp theo là 1.211.388.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đổi chiểu biến đổi giá trị vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu ưu qu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu tư năm trước	49.339.050.000	145.814.255.352	1.492.141.699	(7.938.039.597)	-	489.130.439	2.272.132.596	4.332.926.927	195.801.597.416
Tăng vốn trong năm trước	4.223.080.000	-	-	-	-	-	-	-	4.223.080.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	8.048.664.332	8.048.664.332
Tăng khác	-	10.909.091	-	(2.200.000)	-	-	537.874.580	-	546.583.671
Giảm khác	-	-	-	-	(67.169.290)	-	(340.916.860)	(7.175.753.160)	(7.583.839.310)
Số đầu cuối năm trước	53.562.130.000	145.825.164.443	1.492.141.699	(7.940.239.597)	(67.169.290)	489.130.439	2.469.090.316	5.205.838.099	201.036.086.109
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	6.473.773.598	6.473.773.598
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	-	67.169.290	-	-	-	67.169.290
Chi trả cổ tức 2 năm 2009 (1)	-	-	-	-	-	-	-	(3.580.078.600)	(3.580.078.600)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	-	(1.041.437.039)	-	-	-	(1.041.437.039)
Mua cổ phiếu ưu qu	-	-	-	(2.430.517.090)	-	-	-	-	(2.430.517.090)
Trích vào các quỹ (1)	-	-	648.803.348	-	-	421.804.017	421.804.017	(1.492.411.382)	-
Trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	-	-	(421.804.017)	(421.804.017)
Giảm khác	(10.000)	-	-	10.000	-	-	-	-	-
Số đầu cuối năm nay	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(10.370.746.687)	(1.041.437.039)	910.934.456	2.890.894.333	6.185.317.698	200.103.192.251

(1) Công ty đã công bố với việc phân phối lợi nhuận năm 2009 tại Nghị quyết của Hội đồng thành viên niên số 01/NQĐHCĐ/2010 ngày 26 tháng 03 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	6.519.830.000	12,17%	6.519.830.000	12,17%
Vốn góp của đối tượng khác	47.042.290.000	87,83%	47.042.300.000	87,83%
	53.562.120.000	100%	53.562.130.000	100%

c) Các giao dịch vốn và vốn và các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.562.120.000	53.562.130.000
- Vốn góp đầu năm	53.562.130.000	49.339.050.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	4.223.080.000
- Vốn góp giảm trong năm	10.000	-
- Vốn góp cuối năm	53.562.120.000	53.562.130.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.580.078.600	6.100.004.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.580.078.600	1.876.924.000
- Cổ tức, lợi nhuận từ chia trên lợi nhuận năm nay	-	4.223.080.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.356.213	5.356.213
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.356.212	5.356.213
- Cổ phiếu phổ thông	5.356.212	5.356.213
Số lượng cổ phiếu được mua lại	365.414	241.815
- Cổ phiếu phổ thông	365.414	241.815
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.990.798	5.114.398
- Cổ phiếu phổ thông	4.990.798	5.114.398
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	910.934.456	489.130.439
Quỹ dự phòng tài chính	2.890.894.333	2.469.090.316
	3.801.828.789	2.958.220.755

21. TÀI NGUYÊN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	119.203.597.485	132.014.152.821
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.348.300.312	20.881.752.811
	136.551.897.797	152.895.905.632

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

22 . CÁC KHOẢN GIÁ TRỊ DOANH THU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Hàng bán bỏ trên lãi	272.666.876	723.865.970
	272.666.876	723.865.970

23 . DOANH THU THU NHẬP BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu thu nhập bán thành phẩm và hàng hóa	118.930.930.609	131.290.286.851
Doanh thu thu nhập cung cấp dịch vụ	17.348.300.312	20.881.752.811
	136.279.230.921	152.172.039.662

24 . GIÁ TRỊ BÁN HÀNG

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá trị của thành phẩm, hàng hóa đã bán	108.865.373.814	120.189.657.887
Giá trị của dịch vụ đã cung cấp	13.715.754.293	18.063.744.572
	122.581.128.106	138.253.402.459

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.325.996.132	1.727.236.893
Cổ tức, lợi nhuận được chia	564.000.000	565.712.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.293.960.738	3.087.706.433
	5.183.956.870	5.380.655.326

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.738.310.067	1.656.620.199
Chi phí khấu hao thanh toán, lãi mua hàng từ chủ	34.602.851	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.732.709.564	3.327.295.915
Lãi chênh lệch tỷ giá chuyển đổi thực hiện	1.383.938.099	1.340.835.835
	6.889.560.581	6.324.751.949

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

27 . CHI PHÍ THU VÀ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHÂN HÀNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí thu và TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.343.355.483	867.622.070
	1.343.355.483	867.622.070

28 . NHẬN NG SỬ KẾ TÍNH PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có số kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán và do ảnh hưởng điều chỉnh hồi tố từ thuyết minh số 3 - Điều chỉnh hồi tố. Theo hiện theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc thay đổi chế độ kế toán hiện hành, từ ngày 01/01/2010 số dư Quê khen thưởng, Phúc lợi được trình bày trong mục nợ ngắn hạn thay cho trước đây được trình bày trong mục vốn chủ sở hữu và số dư Doanh thu chưa thực hiện được trình bày trong mục nợ dài hạn thay cho trước đây được trình bày trong mục nợ ngắn hạn, cụ thể như sau:

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngắn hạn	310	60.247.376.328	63.488.919.024
Ngân hàng và mua trả tiền trước	313	435.350.111	3.737.221.053
Thu và các khoản phải nộp Nhà nước	314	430.882.277	824.522.074
Quê khen thưởng, phúc lợi	323	453.968.043	-
Nợ dài hạn	330	3.322.367.342	20.496.400
Doanh thu chưa thực hiện	338	3.301.870.942	-
Vốn chủ sở hữu	400	201.036.086.109	201.096.414.355
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	(67.169.290)	5.915.702.127
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.205.838.099	(1.170.673.115)
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh			
Chi phí tài chính	22	6.324.751.949	5.221.248.124
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ			
Lợi nhuận trước thuế	01	8.916.286.402	10.019.790.227
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.340.835.835	237.332.010

Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị An

Nguyễn Thị Xuân

Hoàng Văn Điệu